

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v phân bổ chi tiết kế hoạch vốn bảo vệ và phát triển rừng năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 85/2014/TT-BTC ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 11/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 3690/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 về việc phê duyệt kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 4857/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt suất đầu tư trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4779/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020 và năm 2020 trên địa bàn tỉnh;

Theo Văn bản số 1935/SKHĐT-TH ngày 30/12/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 135/TTr-STC ngày 18/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn dự án Bảo vệ và phát triển rừng năm 2020 thuộc Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững, với những nội dung sau:

1. Phân bổ dự toán kinh phí:

a) Khối lượng công việc:

* Đầu tư lâm sinh:

- Chăm sóc rừng kiến thiết cơ bản: 343,62 ha.

+ Chăm sóc rừng năm thứ hai: 112,51ha.

+ Chăm sóc rừng năm thứ ba: 92,50ha.

+ Chăm sóc rừng năm thứ tư rừng trồng phục hồi: 37,60ha.

+ Chăm sóc rừng năm thứ tư: 101,01ha.

- Trồng phục hồi rừng trồng phòng hộ: 26,8ha.

* Xây dựng cơ sở hạ tầng:

- Duy tu đường ranh cản lửa: 10,0 km.

- Xây dựng trạm quản lý bảo vệ rừng: 01 trạm.

(Chi tiết theo phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

b) Kinh phí phân bổ năm 2020: 5.000,000 triệu đồng.

- Đầu tư lâm sinh: 4.499,902 triệu đồng.

+ Chăm sóc rừng trồng: 3.970,366 triệu đồng.

+ Trồng phục hồi rừng trồng phòng hộ: 529,536 triệu đồng.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng: 500,098 triệu đồng.

+ Duy tu đường ranh cản lửa: 100,098 triệu đồng.

+ Xây dựng trạm quản lý bảo vệ rừng: 400,000 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

2. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

3. Nguồn vốn thực hiện: Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2020 (theo Quyết định 4779/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh).

Điều 2.

- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT lập thủ tục phân bổ khoản kinh phí nêu tại Điều 1 cho các địa phương, đơn vị.

- Chủ tịch UBND các huyện Vân Canh, Hoài Nhơn, Phù Cát, Tây Sơn, Phù Mỹ, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo sử dụng khoản kinh phí nêu trên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện Vân Canh, Hoài Nhơn, Phù Cát, Tây Sơn, Phù Mỹ, Chủ tịch UBND

thành phố Quy Nhơn; Giám đốc Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng các huyện Vân Canh, Hoài Nhơn, Phù Cát, Tây Sơn, Phù Mỹ; Giám đốc Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ, cảnh quan thành phố Quy Nhơn; Giám đốc Dự án Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh Trần Châu;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, K13 (20b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

Phụ lục 01

KẾ HOẠCH CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG NĂM 2020 TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 997 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

TT	Hạng mục	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ, cảnh quan TP Quy Nhơn và vùng lân cận	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Vân Canh	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Hoài Nhơn	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng huyện Phù Cát	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Tây Sơn	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Phù Mỹ	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng ngập mặn tỉnh Bình Định	Tổng Số
I	Đầu tư lâm sinh	107,60	40,00	25,00	70,00	53,38	61,80	12,64	370,42
1	Chăm sóc rừng kiến thiết cơ bản	107,60	40,00	25,00	70,00	53,38	35,00	12,64	343,62
a	Chăm sóc năm thứ hai	20,00	40,00		33,00	18,01		1,50	112,51
b	Chăm sóc năm thứ ba	20,00		15,00	20,00	17,50	15,00	5,00	92,50
c	Chăm sóc năm thứ tư rừng trồng phục hồi	37,60							37,60
d	Chăm sóc năm thứ tư	30,00		10,00	17,00	17,87	20,00	6,14	101,01
e	Chăm sóc năm thứ năm								0,00
2	Trồng phục hồi rừng trồng phòng hộ						26,80		26,80
II	Xây dựng cơ sở hạ tầng								
1	Duy tu đường ranh cảnh lửa (km)	6,00				4,00			10,00
2	Xây dựng trạm bảo vệ rừng (trạm)		1,00						1,00

Phụ lục 02

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN RỪNG NĂM 2020 TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 997 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Hạng mục	Tổng Số	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ, cảnh quan thành phố Quy Nhơn và vùng lân cận	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Vân Canh	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Hoài Nhơn	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng huyện Phù Cát	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Tây Sơn	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Phù Mỹ	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng ngập mặn tỉnh Bình Định
	TỔNG CỘNG	5.000,000	1.153,652	1.177,026	181,097	882,872	699,408	669,771	236,174
I	Đầu tư lâm sinh	4.499,902	1.081,652	777,026	181,097	882,872	671,310	669,771	236,174
1	Chăm sóc rừng KTCB	3.970,366	1.081,652	777,026	181,097	882,872	671,310	140,235	236,174
a	Chăm sóc năm thứ hai	2.260,424	444,265	777,026		602,784	363,606		72,743
b	Chăm sóc năm thứ ba	1.153,078	385,096		145,430	225,096	251,303	69,770	76,383
c	Chăm sóc năm thứ tư rừng trồng phục hồi	145,504	145,504						
d	Chăm sóc năm thứ tư	411,360	106,787		35,667	54,992	56,401	70,465	87,048
2	Trồng phục hồi rừng trồng phòng hộ	529,536						529,536	
II	Xây dựng cơ sở hạ tầng	500,098	72,000	400,000	-	-	28,098	-	-
1	Duy tu đường ranh cản lửa	100,098	72,000				28,098		
2	Xây dựng trạm bảo vệ rừng	400,000		400,000					